

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn 2045; Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp, giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1368/QĐ-BNN-CN ngày 01/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi sản xuất theo hướng tập trung, với trình độ chăn nuôi từng bước được hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh, nâng cao thu nhập ổn định cho người chăn nuôi, hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường.

- Kiểm soát chặt chẽ về hoạt động chăn nuôi, giết mổ động vật, tập trung kêu gọi xã hội hóa các hệ thống giết mổ, đảm bảo an toàn thực phẩm từ khâu sản xuất chăn nuôi đến giết mổ, sơ chế, chế biến, đáp ứng yêu cầu trong Tỉnh và định hướng xuất khẩu.

- Đa dạng hóa các loài vật nuôi để phát huy lợi thế của từng khu vực trên địa bàn Tỉnh và đáp ứng nhu cầu đa dạng của từng thị trường; tập trung chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng. Chuyển dần từ chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ sang phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô lớn; duy trì các mô hình chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp, đảm bảo an toàn sinh học và từng bước chuyển dần hình thức chăn nuôi nông hộ sang chăn nuôi tập trung, khuyến khích tổ chức, cá nhân sản xuất khép kín. Liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ vào trong sản xuất, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm làm giảm chi phí, tạo giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ đến người chăn nuôi. Nâng cao hiệu quả hoạt động và tập trung phát triển mô hình hội quán, tổ hợp tác, hợp tác xã và kinh tế trang trại, làm chủ thể

đề liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức các mô hình chăn nuôi đến khu vực của từng huyện. Mô hình phát triển chăn nuôi được xây dựng cho từng loại vật nuôi chính, có lợi thế phát triển; sản phẩm chăn nuôi hàng hóa được sản xuất chủ yếu trong các trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường, đối xử nhân đạo với vật nuôi, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong Tỉnh và cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- Mức tăng trưởng giá trị sản xuất: giai đoạn 2021 - 2025 trung bình đạt từ 4 - 5%/năm; giai đoạn 2026 - 2030 trung bình đạt từ 3 - 4%/năm.

- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại: đến năm 2025 đạt từ 69 - 72 ngàn tấn, trong đó: thịt heo chiếm khoảng 63 - 67%, thịt gia cầm khoảng 18 - 19%, thịt gia súc ăn cỏ (thịt trâu, bò,...) khoảng 13 - 14%; đến năm 2030 đạt khoảng 88 - 93 ngàn tấn.

- Sản lượng trứng: đến năm 2025 đạt từ 370 - 390 triệu trứng; đến 2030 đạt khoảng 473 - 497 triệu trứng.

- Tỷ trọng gia súc và gia cầm được giết mổ tập trung công nghiệp đạt tương ứng khoảng 60% và 40% vào năm 2025, khoảng 70% và 50% vào năm 2030.

- Xây dựng các cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

1. Định hướng phát triển chăn nuôi đến năm 2030

- Tiếp tục phát triển chăn nuôi heo theo hướng tăng tổng đàn, với hình thức chuyển dần từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại, từng bước hình thành các khu vực khuyến khích chăn nuôi tập trung quy mô công nghiệp; đồng thời, mở rộng hình thức chăn nuôi theo hướng hữu cơ với các giống cao sản; tạo ra sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

- Chăn nuôi trâu: Đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, hình thành các khu giết mổ tập trung, đảm bảo vệ sinh môi trường; nâng cao năng suất đàn trâu hướng thịt, tạo thu nhập ổn định cho người chăn nuôi và nâng cao tính cạnh tranh trong khu vực.

- Chăn nuôi bò: Phát triển chăn nuôi bò theo hướng trang trại, công nghiệp, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; đẩy mạnh phát triển đàn bò thịt trên địa bàn tỉnh theo hướng chọn tạo đàn bò hướng thịt.

- Chăn nuôi gà: Phát triển chăn nuôi gà theo hướng tập trung, thực hiện quy trình nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, xây dựng theo chuỗi giá trị.

- Chăn nuôi vịt: Phát triển tổng đàn với quy mô lớn, tập trung, vững bền, khai thác hết phụ phẩm và phối hợp hiệu quả với việc phát triển ngành lúa gạo và cá tra của tỉnh, tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Khuyến khích phát triển mạnh công nghiệp sản xuất nguyên liệu, thức ăn

bổ sung, nhất là công nghệ sinh học nhằm đáp ứng đủ các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh, hóa chất dùng trong chăn nuôi và tận thu, nâng cao giá trị dinh dưỡng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp trong nước.

- Kiểm soát dịch bệnh: nâng cao năng lực kiểm soát dịch bệnh, nhất là việc không chế các dịch bệnh nguy hiểm ảnh hưởng đến đàn vật nuôi và những dịch bệnh có nguy cơ lây sang người, bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao trong Tỉnh và cả nước.

- Giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi: nâng cao năng lực vận chuyển, giết mổ tập trung theo hướng hiện đại các loại vật nuôi bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi; phát triển mạnh mẽ công nghiệp chế biến và chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm chăn nuôi làm tăng sức mua trong Tỉnh và đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu trong nước.

- Nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng vật tư và an toàn thực phẩm sản phẩm chăn nuôi, nhất là vấn đề kiểm soát ô nhiễm vi sinh vật, tồn dư chất cấm, lạm dụng kháng sinh và hóa chất trong chăn nuôi, thú y, giết mổ, chế biến thực phẩm.

- Nâng cao năng lực kiểm soát môi trường trong chăn nuôi, giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi đáp ứng các quy định của pháp luật về môi trường. Tất cả các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi phải có giải pháp kiểm soát môi trường phù hợp, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường và sử dụng có hiệu quả nguồn chất thải cho nhu cầu trồng trọt, chăn nuôi côn trùng, sản xuất năng lượng tái tạo,...

2. Tầm nhìn đến năm 2045

- Phát triển chăn nuôi trở thành ngành sản xuất hàng hóa, từng bước đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Tiếp tục không chế và kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, các bệnh mới nổi; bệnh lây nhiễm từ động vật sang người.

- Đa số sản phẩm chăn nuôi chính (thịt, trứng) được sản xuất trong các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học và thân thiện với môi trường.

- 100% sản phẩm thịt gia súc, gia cầm hàng hóa được cung cấp từ các cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp, đảm bảo an toàn thực phẩm; sơ chế, chế biến theo thị hiếu người tiêu dùng.

III. GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện các nhóm chính sách phát triển chăn nuôi

1.1. Chính sách đất đai

Có chính sách dành quỹ đất để phát triển chăn nuôi đáp ứng các quy định của Luật Chăn nuôi, bảo đảm yêu cầu giảm thiểu ô nhiễm môi trường, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học và nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Ưu tiên giao đất, thuê đất với chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở giống, cơ sở chăn nuôi trang trại, công nghiệp đủ điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học trong vùng phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung, chế biến công nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi.

1.2. Chính sách tài chính và tín dụng

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ:

+ Dự trữ sản phẩm chăn nuôi thiết yếu phù hợp với từng thời kỳ.

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng, bao gồm đường, điện, nước và xử lý môi trường cho cơ sở sản xuất giống, cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp sản phẩm chăn nuôi thuộc khu vực đã được xác định trong các quy hoạch phát triển.

+ Hàng năm, giám định, bình tuyển, loại thải và thay thế đàn giống vật nuôi trong sản xuất. Hỗ trợ thông qua con giống cho phát triển chăn nuôi đối với vùng khó khăn, khu vực biên giới.

+ Áp dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong sản xuất, chế biến nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y.

+ Hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm, hội thi, đấu giá con giống và sản phẩm chăn nuôi,...

- Thực hiện có hiệu quả chính sách, ưu đãi thuế đối với hoạt động trong các lĩnh vực của ngành chăn nuôi nhằm tạo điều kiện phát triển chăn nuôi hiện đại, toàn diện, đồng bộ; tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan nhằm thu hút, khuyến khích đầu tư hạ tầng kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ để phát triển chăn nuôi hiện đại, theo chuỗi khép kín, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

- Tín dụng đầu tư phát triển: ưu tiên cho vay đầu tư dự án phát triển giống vật nuôi, cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến sản phẩm chăn nuôi theo hướng công nghiệp, cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học.

- Các ngân hàng thương mại tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vay vốn theo chính sách ưu đãi của nhà nước để đầu tư con giống, cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ, phát triển chăn nuôi và giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp. Căn cứ điều kiện cụ thể trình Hội đồng nhân dân Tỉnh về chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi, giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp các sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn.

- Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học hoặc cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến gia súc, gia cầm tập trung, công nghiệp được hưởng các chính sách ưu đãi cao nhất về thuế theo quy định.

- Thúc đẩy nhanh việc phát triển và nhận rộng các chuỗi liên kết trong chăn nuôi và nâng cao hiệu quả hỗ trợ, nhất là đối với khu vực chăn nuôi nông hộ thông qua khuyến khích hình thức hỗ trợ các doanh nghiệp, mô hình hội quán, hợp tác xã đầu tư vào chăn nuôi có gắn kết với các trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp.

1.3. Chính sách thương mại

- Tăng cường công tác quảng bá thông tin về tình hình chăn nuôi và thị trường các sản phẩm chăn nuôi trong nước và quốc tế; xúc tiến thương mại ưu tiên tạo điều kiện thuận lợi cho việc giới thiệu và tiêu thụ các sản phẩm chăn

nuôi có thương hiệu, gắn với các chuỗi liên kết, có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho người chăn nuôi phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Xây dựng các chuỗi ngành hàng, sản phẩm chăn nuôi an toàn, có sự kiểm soát, truy xuất nguồn gốc gắn với an toàn thực phẩm; hình thành mối liên kết giữa người sản xuất với các kênh tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo sản phẩm được tiêu thụ kịp thời.

- Tổ chức các hệ thống tiêu thụ sản phẩm gắn với cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, nhằm thay đổi thói quen tiêu dùng. Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng của Tỉnh, như giống heo hướng nạc, gia cầm sạch bệnh, ...

1.4. Khuyến nông và thông tin tuyên truyền

- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn, bảo đảm người chăn nuôi có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và từng khu vực trên địa bàn Tỉnh.

- Đa dạng hóa các chương trình truyền thông nhằm từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường

- Chủ động triển khai thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn dịch tễ đàn gia súc, gia cầm và các vật nuôi khác; xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh, nhất là cơ sở sản xuất giống và vùng chăn nuôi tập trung.

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới và hoàn thiện hệ thống kiểm dịch động vật, trong đó chú trọng kiểm dịch biên giới, cửa khẩu; bảo đảm hiệu quả cho công tác kiểm soát dịch bệnh; tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông giống vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi thúc đẩy phát triển chăn nuôi. Phối hợp chặt chẽ với các tỉnh lân cận trong công tác kiểm soát nguồn gia súc, gia cầm và các sản phẩm chế biến cung cấp ra vào Tỉnh.

- Áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt đối với các cơ sở chăn nuôi. Nâng cao tỷ lệ tiêm phòng bắt buộc đối với các bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi; xử lý nghiêm, áp dụng các biện pháp chế tài theo quy định đối với các trường hợp chủ chăn nuôi không chấp hành tiêm phòng các bệnh bắt buộc trên đàn gia súc, gia cầm.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y tại các địa phương trong Tỉnh.

- Xây dựng mạng lưới giết mổ tập trung bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, kết hợp với quản lý chặt chẽ công tác kiểm soát giết mổ, vận chuyển, chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm nhằm cung cấp nguồn thực phẩm đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm, hạn chế lây lan dịch bệnh.

3. Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng chuyên giao các công nghệ mới, tiên tiến trong chăn nuôi. Ưu tiên hoạt động nghiên cứu về giống mới, ứng dụng công nghệ sinh học và chuyên giao quy trình, công nghệ sinh học vào lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, truy xuất động vật, giết mổ, chế biến, phòng, chống dịch bệnh và xử lý môi trường trong chăn nuôi.

- Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào quy trình sản xuất giống, sản xuất thức ăn, chăm sóc; các mô hình sản xuất tuần hoàn, áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi, tập trung phát triển chăn nuôi quy mô công nghiệp, trang trại.

- Từng bước nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác quản lý nhà nước trong chăn nuôi.

- Huy động và khai thác có hiệu quả các nguồn lực quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ, trao đổi thông tin, kinh nghiệm chăn nuôi, thú y.

4. Nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi

- Chọn tạo nâng cao năng suất, chất lượng, sự đồng nhất về sản phẩm của các giống vật nuôi trong sản xuất phù hợp với địa phương, từng phương thức chăn nuôi và phân khúc thị trường; hỗ trợ tích cực cho chương trình xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, sản phẩm chăn nuôi sản xuất theo chuỗi và truy xuất được nguồn gốc. Tiếp thu nhanh các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới. Trong đó, cần chú trọng việc bảo tồn, khai thác đặc điểm sinh học quý của các nguồn gen, giống bản địa.

- Tiếp tục cải tiến nâng cao tầm vóc đàn bò trong Tỉnh, phát triển mạng lưới thụ tinh nhân tạo và sử dụng một số giống bò có khả năng thích nghi với điều kiện sinh thái trong Tỉnh để tạo đàn cái nền phục vụ cho lai tạo giống bò thịt chất lượng cao, cung cấp bê đực cho nuôi vỗ béo bò thịt.

- Bình tuyển, chọn lọc đàn trâu trong sản xuất, tạo đàn cái nền và đực giống tốt cung cấp cho nhu cầu cải tiến, nâng cao chất lượng đàn giống, thực hiện tốt giải pháp đảo đực giống giữa các vùng nhằm tránh tình trạng cận huyết và phát huy ưu thế lai.

- Quản lý giống heo, giống gia cầm theo mô hình tháp giống gắn với từng vùng sản xuất, từng thương hiệu sản phẩm. Bảo đảm mỗi thương hiệu sản phẩm đặc thù, được sản xuất từ một tháp giống tương thích.

- Nhân thuần, chọn lọc nâng cao, cải tiến năng suất, chất lượng giống vật nuôi bản địa có nguồn gen quý, hiếm làm nguyên liệu lai tạo với các giống cao sản.

- Xây dựng và sử dụng các công thức lai giống phù hợp cho từng phương thức chăn nuôi và phân khúc thị trường bảo đảm có số lượng sản phẩm đủ lớn và đồng nhất về chất lượng đáp ứng cho tiêu dùng trong tỉnh và cả nước.

- Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tổ chức đánh giá, bình tuyển chất lượng đối với đàn đực giống hoạt động dịch vụ gieo tinh trực tiếp trên địa bàn nhằm loại thải những đực giống kém chất lượng, không có lý lịch, nguồn gốc rõ ràng.

5. Nâng cao chất lượng, hạ giá thành thức ăn chăn nuôi

- Tăng cường kêu gọi đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi; khuyến khích đầu tư, xây dựng các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học nhằm sản xuất nhanh các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh, hóa chất sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, sử dụng nguồn nguyên liệu địa phương, thay thế nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, nhất là các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn chăn nuôi. Khuyến khích phát triển các mô hình chế biến các loại thức ăn chăn nuôi hữu cơ bằng công nghệ, thiết bị nghiền trộn nhỏ và cơ động phù hợp với loại hình chăn nuôi nông hộ, mô hình hội quán chăn nuôi, hợp tác xã và vỗ béo các loại gia súc ăn cỏ.

6. Nâng cao năng lực giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi

- Tăng cường kêu gọi đầu tư vào hệ thống cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn Tỉnh. Tổ chức lại hệ thống giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm theo hướng tập trung, công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi hàng hoá, bảo đảm yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Cùng với các chính sách khuyến khích phát triển hoạt động giết mổ tập trung, công nghiệp cần tăng cường các biện pháp quản lý đối với công tác giết mổ, nhất là các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, thủ công không bảo đảm vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi nhằm đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ.

7. Đào tạo nguồn nhân lực

Tiếp tục đào tạo để nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ chăn nuôi, thú y các cấp, nhất là hệ thống chăn nuôi thú y cấp xã. Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ gắn với hoạt động khuyến nông. Chú trọng đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông, tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển nông thôn.

8. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành chăn nuôi

- Khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học để cung cấp các thiết bị chuồng trại, giết mổ, chế biến, các loại hóa chất, chế phẩm sinh học thay thế nguồn nhập khẩu.

- Khuyến khích phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý ngành và quản trị hoạt động kinh doanh chăn nuôi, nhất là các phần mềm tin học phù hợp với đặc thù của chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ.

9. Đổi mới tổ chức sản xuất

- Tổ chức sản xuất các ngành hàng sản phẩm chăn nuôi theo hướng chuyên

môn hóa, hiện đại và hiệu quả gắn với các chuỗi liên kết, trong đó phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp, hiệp hội, mô hình Hội quán và hợp tác xã.

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đủ khả năng đầu tư vào ngành chăn nuôi theo chuỗi khép kín và hỗ trợ, dẫn dắt người chăn nuôi sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường. Chú trọng củng cố và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực chăn nuôi làm cầu nối giữa các nông hộ, trang trại với các doanh nghiệp và thị trường.

10. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi, thú y

- Kiện toàn, tăng cường năng lực tổ chức bộ máy và cơ chế, chính sách quản lý ngành chăn nuôi, thú y tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả phù hợp với nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và quy định của pháp luật.

- Hoạt động chăn nuôi, thú y là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện, cơ sở có hoạt động chăn nuôi, thú y phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường, an toàn sinh học và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Thay đổi cách tiếp cận về phương thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm để người sản xuất, kinh doanh tự chủ động trong việc kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường.

- Xã hội hóa các dịch vụ công về chăn nuôi, thú y để mọi thành phần kinh tế có đủ điều kiện có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý, giám sát về biên chế, ngân sách nhà nước và cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN ƯU TIÊN

1. Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn Tỉnh.

2. Phát triển Chăn nuôi theo hướng bền vững tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

3. Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi.

4. Phát triển giống vật nuôi tỉnh Đồng Tháp.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Huy động nguồn vốn

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

- Lòng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ODA (nếu có).

- Tổ chức, cá nhân đầu tư và các nguồn vốn huy động khác.

2. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư chăn nuôi

- Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cho phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản lý ngành chăn nuôi, thú y; kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo tồn và phát triển nguồn gen giống vật nuôi bản địa, quý, hiếm; dự trữ sản phẩm chăn nuôi thiết yếu phù hợp với từng thời kỳ.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực chăn nuôi, thú y, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách, phương án, đề án và văn bản có liên quan. Đề xuất, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn và quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương trong từng thời kỳ.

- Hàng năm tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện và tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện các chính sách về ưu đãi đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện các chính sách về tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia; tiếp tục triển khai các hoạt động nghiên cứu, chuyên gia và ứng dụng khoa học và công nghệ để phát triển chăn nuôi theo định hướng của Kế hoạch.

5. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại cho sản phẩm chăn nuôi.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương lập phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất cho chăn nuôi và chính sách về đất đai cho tổ chức, cá nhân thuê phát triển chăn nuôi, xây dựng cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp và kiểm soát ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho người chăn nuôi và chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho những người chăn nuôi không còn khả năng chăn nuôi hoặc có nhu cầu chuyển đổi sang lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác thuận lợi hơn.

8. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh kiện toàn, củng cố, nâng cao năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y của Tỉnh theo đúng chủ trương của Đảng, quy định của Luật Thú y, các văn bản chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực, phù hợp với thực tiễn, phòng, chống dịch bệnh động vật kịp thời.

9. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Tỉnh

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai kịp thời các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là các chính sách liên quan đến hoạt động phát triển chăn nuôi theo chỉ đạo của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Tỉnh.

- Tiếp thu và giải đáp kịp thời các khó khăn, vướng mắc của tổ chức, cá nhân hoạt động lĩnh vực chăn nuôi trong việc tiếp cận vốn vay thuộc phạm vi thẩm quyền.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất các chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển chăn nuôi theo chỉ đạo của địa phương; kiến nghị đối với vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền (nếu có) để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và nội dung của Kế hoạch.

10. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Tổ chức xây dựng và thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện địa phương và quy hoạch chung của Tỉnh.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp với chính quyền các cấp tuyên truyền, vận động Nhân dân và hội viên chăn nuôi theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; thực hiện tốt công tác tiêm phòng và phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi, thúc đẩy phát triển chăn nuôi bền vững trên địa bàn Tỉnh.

Yêu cầu Thủ trưởng sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện tốt nội dung Kế hoạch này. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, các đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT/TU; TT/HĐND Tỉnh;
- MTTQVN Tỉnh;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT; KHĐT; TC; KHCN; CT; TNMT; LĐTBXH;
- NHNN-Chi nhánh Tỉnh;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lưu VT, NC/KT(VA).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn

